

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS – ST
Ngày 14 – 5 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bá Thị Thu Vân – Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước;

2. Ông Phạm Ngọc Minh – Phó giám đốc trung tâm hướng nghiệp dạy nghề huyện Ninh Phước (nguyên là giáo viên);

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2019/TLST – HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28 – 4 – 2000 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L S 1, xã P V, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị C (đã chết); Vợ con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ninh Phước từ ngày 01 – 3 – 2019 (Có mặt).

Bị hại:

Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965 (có mặt).

Trú tại: thôn L S 1, xã P V, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 (có mặt).

Trú tại: thôn Phước An 2, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2. Ông Trần Đình K, sinh năm 1961 (có mặt).

Trú tại: thôn Liên Sơn 1, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

3. Bà Lê Ngọc Bích T, sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: khu phố 1, phường Đài Sơn, Thành phố Phan rang Tháp chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Bà Dương Thị T (tên gọi khác Bôn), sinh năm 1955 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Liên Sơn 2, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Quốc Toàn, sinh năm 1985 (có mặt).

Trú tại: thôn Liên Sơn 1, xã Phước Vinh, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

2. Ông Nguyễn Kiềm (tên gọi khác Ba Hạnh), sinh năm 1956 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Bảo Vinh, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

3. Ông Đỗ Văn Chánh (tên gọi khác Khánh), sinh năm 1975 (có mặt).

Trú tại: thôn Liên Sơn 1, xã Phước Vinh, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965, trú tại thôn L S1, P V, Ninh Phước, Ninh Thuận có 01 chiếc xe máy cày kéo rơ moóc nhãn hiệu HINOMOTO E322 màu cam. Vào năm 2016 cả gia đình ông S đi vào Bình Dương làm thuê, trước khi đi ông S để xe máy cày nêu trên ở sau nhà và khóa cửa lại.

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28 – 4 – 2000 là con ruột của ông S. Trong thời gian ông S vào Bình Dương làm thuê thì Q cũng bỏ nhà đi lang thang làm thuê không có nơi ở ổn định. Ngày 23 – 9 – 2018 Q từ Thành Phố Hồ Chí Minh đi về nhà ở thôn L S 1, P V, Ninh Phước, Ninh Thuận (nhà Q không có ai ở nhà). Vì cần tiền tiêu xài nên Q đã nảy ý định bán chiếc máy cày của ông S, sau đó Q đã tìm đến ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1958, trú tại Phước An 2, Phước Vinh, Ninh Phước, Ninh Thuận, Q nói với ông P là xe máy cày này ông S cho Q bán để lấy tiền lo cho gia đình, đồng thời nhờ bà Dương Thị T là hàng xóm của Q ký giấy làm chứng nên ông P đã đồng ý mua xe máy cày với giá 25.000.000đ. Khi nhận được tiền, Q đã đưa lại cho ông P 500.000đ (tiền công đức), cho bà T 500.000đ, sau khi bán được xe máy cày, Q đi vào lại Thành Phố Hồ Chí Minh, sau đó Q đi lang thang, không có nơi cư trú nên ngày 22 – 11 – 2018 thì bị đưa vào Trung tâm bảo trợ xã hội Thành Phố Hồ Chí Minh.

Sau khi mua máy cày của Q, ông P bán lại cho ông Trần Đình K, sinh năm 1961, trú tại L S 1, Phước Vinh, Ninh Phước, Ninh Thuận (ông K mua giúp cho bà Lê Thị Bích T, ở Đài Sơn, Thành phố Phan rang Tháp chàm, với giá 45.000.000đ), sau khi mua được xe máy cày, ông K đưa xe đến sửa chữa tại nhà ông Nguyễn Kiêm ở Phước Vinh, Ninh Phước, bà T đưa thêm cho ông K 10.000.000đ, để ông K mua các thiết bị sửa chữa máy cày (mặc dù bà T khai đưa thêm cho ông K 20.000.000đ, nhưng ông K chỉ thừa nhận 10.000.000đ).

Ngày 07 – 10 – 2018 ông Nguyễn Thành S từ Bình Dương về nhà mình ở Liên Sơn 1, Phước Vinh, Ninh Phước thì phát hiện xe máy cày bị mất nên đã làm đơn trình báo với Công an xã Phước Vinh, qua quá trình điều tra xác minh thì Cơ quan Công an đã tạm giữ xe máy cày tại nhà ông Nguyễn K.

Tại biên bản định giá tài sản số 103/BB – ĐGTS, ngày 06 – 11 – 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ninh Phước, kết luận: Chiếc xe máy cày mang nhãn hiệu HINOMOTO E322 có giá trị là 60.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 652, ngày 03 – 12 – 2018 của phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định độ tuổi của Q tại thời điểm giám định (tháng 12 – 2018) Nguyễn Văn Quý có độ tuổi từ 18 năm đến 18 năm 6 tháng. Như vậy tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì Q khoảng 17 tuổi 09 tháng.

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra, đã tạm giữ gồm:

01 xe máy cày nhãn hiệu HINOMOTO E322, đây là tài sản của ông Nguyễn Thành S bị Q lấy trộm đi bán nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông S.

- Về dân sự: Buộc Nguyễn Văn Q phải trả lại cho ông Nguyễn Văn P 24.500.000đ, buộc ông P phải trả lại cho ông Trần Đình K 45.000.000đ, buộc ông K phải trả lại cho bà Lê

Ngọc Bích T 55.000.000đ. Tịch thu sung công quỹ số tiền 500.000đ của bà Dương Thị T, do được hưởng từ việc Q trộm cắp tài sản mà có.

Ông Nguyễn Văn P, ông Trần Đình K, bà Lê Ngọc Bích T không biết xe máy cày do Q trộm cắp, cho nên ông P, ông K và bà T không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại cáo trạng số: 14/CT – VKS – HS, ngày 02 – 4 – 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước vẫn bảo lưu quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Q tại Bản cáo trạng số 14/CT – VKS – HS ngày 02 – 4 – 2018. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54, Điều 91; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Q mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị T vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, Kiểm sát viên; Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung truy tố tại bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những chứng cứ khác được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25 – 9 – 2018 bị cáo Q đã có hành vi lấy trộm 01 chiếc xe máy cày nhãn hiệu HINOMOTO E322 của ông Nguyễn Thành S. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là: 60.000.000đ. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hành phạt của bị cáo được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để bảo đảm ổn định tình hình trật tự xã hội ở địa phương, nhằm giáo dục cho bị cáo sau này

không tiếp tục tái phạm tội, sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Q dưới 18 tuổi nên áp dụng mức hình phạt bằng $\frac{3}{4}$ mức hình phạt đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bột phát. Bản thân bị cáo không có khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nếu bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục với bị cáo và cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 24.500.000đ, buộc ông P phải trả lại cho ông Trần Đình K số tiền 45.000.000đ, buộc ông K phải trả lại cho bà Lê Ngọc Bích T số tiền 55.000.000đ là phù hợp pháp luật. Hiện nay bị cáo nộp số tiền 24.500.000đ (Do ông Nguyễn Thành S nộp thay) cho bị cáo tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước theo biên lai thu tiền số 0002934 ngày 22 – 4 – 2019 để bồi thường khắc phục hậu quả, nghĩ nên chấp nhận.

- Buộc bà Dương Thị T phải nộp lại số tiền 500.000đ, do được hưởng từ việc Q trộm cắp tài sản mà có để sung công quỹ Nhà nước, là phù hợp.

[6]. Về vật chứng: 01 xe máy cày nhãn hiệu HINOMOTO E322, đây là tài sản của ông Nguyễn Thành S bị Q lấy trộm đi bán nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông S là có căn cứ, nên phân vật chứng không xem xét đến.

[7]. Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;
 - Căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 65 Bộ luật hình sự.
 - Căn cứ Điều 45, Điều 106, Điều 136, khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;
 - Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;
 - Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q về Ủy ban nhân dân xã P V, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn Q ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P, nơi cư trú thôn Phước An 2, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận số tiền là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K, nơi cư trú thôn Liên Sơn 1, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận số tiền là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

- Buộc ông Trần Đình K phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Bích T, nơi cư trú khu phố 1, phường Đài Sơn, Thành phố Phan rang Tháp chàm, tỉnh Ninh Thuận số tiền là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn Q (mà ông Nguyễn Thành S nộp thay) để khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước theo biên lai thu tiền số 0002934 ngày 22 – 4 – 2019 để đảm bảo trách nhiệm bồi thường dân sự cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P.

- Buộc bà Dương Thị T phải nộp số tiền 500.000đ, để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Công an huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long

